Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: Phó giáo sư
Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑ *; Nội dung không đúng thì để trống:* ☐*)*

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý Vô tuyến và Điện tử

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Quang Thảo

2. Ngày tháng năm sinh: 28/10/1982; Nam ☑; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Minh Nghĩa, Huyện Nông Cống, Tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 2908HH2, Khu nhà ở 90 Nguyễn Tuân, Số 90, Đường Nguyễn Tuân, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Phòng 108-T3, Khoa Vật lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Số 334, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0983712941;

E-mail: thaolq@hus.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 03,2008 đến tháng, năm 11,2017: Nghiên cứu viên tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ tháng, năm 12,2017 đến tháng, năm 12,2023: Nghiên cứu viên chính tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Từ tháng, năm 12,2023 đến tháng, năm 07,2024: Giảng viên chính tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính; Chức vụ cao nhất đã qua: Giảng viên chính

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

Địa chỉ cơ quan: Số 334, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại cơ quan: 0243-8584615

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không có

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Không có

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 22 tháng 06 năm 2005, số văn bằng: QC 047562, ngành: Sư phạm Vật lý, chuyên ngành: Không có

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 24 tháng 04 năm 2009, số văn bằng: QM 008183, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý Vô tuyến và Điện tử

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 24 tháng 12 năm 2015, số văn bằng: QT 001219, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý Vô tuyến và Điện tử

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Tối ưu hóa mạch điện phần cứng và kỹ thuật phần mềm trong các hệ thống điều khiển thích nghi.
- Xử lý dữ liệu trong các hệ thống nhúng thông minh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 5 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Bộ; 5 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 31 bài báo khoa học, trong đó 19 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 3 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 5, trong đó 5 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng

1	Giấy khen "Đã có thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Nhất".	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. QĐ số: 1250/QĐ-ĐHKHTN ngày 17/04/2015.	2015
2	Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp Đại học Quốc gia.	Đại học Quốc gia Hà Nội. QĐ số: 4833/QĐ-ĐHQGHN ngày 08/12/2015.	2015
3	Chiến sĩ thi đua cấp Đại học Quốc gia.	Đại học Quốc gia Hà Nội. QĐ số: 2951QĐ-ĐHQG 28/9/2016.	2016
4	Bằng khen Đại học Quốc gia.	Đại học Quốc gia Hà Nội. QĐ số: 3362/QĐ-ĐHQGHN ngày 05/10/2022.	2022
5	Giấy khen "Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" năm 2022.	Đảng bộ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. QĐ số: 155-QĐ/ĐUT ngày 16/01/2023.	2023
6	Giấy khen "Đã có thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Nhất".	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. QĐ số: 1207/QĐ-ĐHKHTN ngày 25/04/2023.	2023
7	Giấy khen "Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" năm 2023.	Đảng bộ Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. QĐ số: 202-QĐ/ĐUT ngày 02/01/2024.	2024
8	Bằng khen Đại học Quốc gia.	Đại học Quốc gia Hà Nội. QĐ số: 231/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/01/2024.	2024
9	Giấy khen "Đã có thành tích đồng hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Nhất".	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên. QĐ số: 1202/QĐ-ĐHKHTN ngày 24/04/2024.	2024
10	Bằng khen Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo. QĐ số: 1454/QĐ-BGDĐT ngày 22/05/2024	2024

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Từ năm 2008 đến nay, qua **16** năm công tác tại Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, ứng viên đã thực hiện đầy đủ và xuất sắc mọi tiêu chuẩn và trách nhiệm của một nhà giáo, cũng như các nhiệm vụ xây dựng, phát triển các chương trình đào tạo, kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, và mở ngành đào tạo mới do Bộ môn, Khoa và Nhà Trường phân công. Ứng viên luôn duy trì một đạo đức tốt và lối sống lành mạnh, giản dị và đoàn kết, với ý thức sâu sắc về việc đóng góp vào sự phát triển của tập thể. Ứng viên cũng không ngừng chăm chỉ học hỏi và nghiên cứu khoa học, để liên tục nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ của mình. Cụ thể:

- Ứng viên đã giảng dạy các học phần cho đại học, sau đại học và luôn vượt định mức trong các năm học. Đã hướng dẫn thành công **05** thạc sĩ và rất nhiều sinh viên đã tốt nghiệp. Ứng viên luôn khuyến khích và phát triển tối đa năng lực của sinh viên qua việc tổ chức nhiều hoạt động ngoại khóa, không chỉ giới hạn trong phạm vi Khoa, Trường mà còn mở rộng ra toàn bộ địa bàn Hà Nội, qua các sự kiện và sân chơi khoa học kỹ thuật như HUS-Racing, Open-RoboHUS, Robot thu hoạch điểm mười, v.v. Với những nỗ lực trong việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, ứng viên đã **03** lần được nhận giấy khen của nhà Trường cho thành tích hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học đạt giải Nhất.
- Ứng viên đã tích cực tham gia vào nhiều hoạt động tư vấn khoa học và là thành viên của các hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ và nhận xét luận án tiến sĩ, đồng thời thường xuyên được mời phản biện cho các đề xuất thuyết minh nghiên cứu và nghiệm thu đề tài nghiên cứu. Ứng viên đã phản biện cho nhiều bài báo được gửi đăng tại các tạp chí quốc tế có uy tín, như Information Processing and Management (Q1), Journal of Intelligent & Fuzzy Systems (Q2), The Journal of Supercomputing (Q2), và International Journal of Computational Intelligence and Applications (Q3).
- Ứng viên luôn chủ động hợp tác với các đồng nghiệp, các nhà khoa học trong nước và quốc tế để phát triển chuyên môn. Ứng viên cũng tham gia và là thành viên ban giám khảo của nhiều triển lãm và cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật có uy tín, ở cả trong khu vực và trên quốc tế, như triển lãm đổi mới sáng tạo toàn cầu tại Singapore, triển lãm khoa học và phát minh quốc tế tại Indonesia, triển lãm phát minh thế giới tại Singapore và Olympic sáng tạo tại Hoa Kỳ.
- Ứng viên luôn ý thức và chú trọng vào việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của các sản phẩm khoa học trong trường. Bên cạnh các kết quả nghiên cứu cơ bản được công bố trên các tạp chí uy tín, ứng viên đăng ký bảo hộ cho các kết quả nghiên cứu mang tính ứng dụng cao của mình, không chỉ để bảo vệ quyền lợi của nhà trường mà còn để góp phần tạo ra một môi trường tôn trọng, khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong nghiên cứu khoa học. Trong quá trình công tác cho đến nay, ứng viên đã tham gia thực hiện nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, đặc biệt, là chủ nhiệm cho **02** đề tài cấp Đại học Quốc gia (tương đương cấp Bộ) và **05** đề tài cấp Cơ sở. Ứng viên đã công bố **31** công trình khoa học, trong đó có **19** công trình nằm trong danh mục ISI/Scopus, và nhiều công trình khoa học ứng dụng đã được nộp đơn yêu cầu bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được công báo sở hữu công nghiệp, trong đó có **03** công trình đã được cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích.
- Ứng viên có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh, phục vụ hiệu quả trong công tác chuyên môn, giảng dạy và giao tiếp. Ứng viên cũng duy trì sức khỏe tốt để đảm bảo đáp ứng được yêu cầu của nghề nghiệp giáo viên đại học. Khi tự đánh giá và đối chiếu với tiêu chuẩn, nhiệm vụ, ứng viên tin rằng mình đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một giảng viên và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn cho chức danh Phó Giáo sư theo quy định của Nhà nước.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 16 năm 3 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn	Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp	Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd

		Chính	Phụ		nghiệp ĐH đã HD	ĐH	SĐH	quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
1	2018-2019					192		192/302.1/270
2	2019-2020			2		278	30	308/469/270
3	2020-2021					621	30	651/595.5/270
03 năm học cuối								
4	2021-2022			1		660	30	690/880.7/270
5	2022-2023					685	75	760/994.7/240
6	2023-2024					577	30	607/841.2/240

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☑:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Điện tử tương tự (Analog Electronic) mã môn học PHY3609E; Vi điều khiển (Microcontroller) mã môn học PHY3522E

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Vật lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☑; Diễn giải: Sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ cho công tác chuyên môn và có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh theo điểm a, khoản 5, điều 2, chương I trong Quyết định 37/2018/QĐ-TTg ngày 31/8/2018 của Thủ tướng Chính Phủ. Minh chứng là tác giả chính và tác giả liên hệ của 16 bài báo quốc tế ([11] [12] [13] [14] [16] [18] [19] [20] [24] [25] [26] [27] [28] [29] [30] [31]); tác giả chính của 06 bài báo đăng ở tạp chí khoa học trong nước viết bằng tiếng Anh ([2] [6] [7] [8] [9] [10])

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh bậc B2 (chuẩn châu Âu); Số chứng nhận PG1254 do Trường Đại học Hà Nội cấp ngày 12/09/2013

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Lưu Hoàng Long		X	X		04/2017 đến 12/2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	10/04/2018
2	Trần Thanh Hà		X	X		04/2017 đến 12/2017	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	10/04/2018
3	Nguyễn Hữu Bắc		X	X		05/2020 đến 12/2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	09/04/2021
4	Đinh Thị Hải		X		X	05/2020 đến 12/2020	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	09/04/2021
5	Trần Thị Dung		X	X		04/2021 đến 12/2021	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQGHN	15/11/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Thực tập vô tuyến điện tử đại cương	GT	NXB Khoa học và Kỹ thuật, năm 2009	7	VC	(190-217)	Số 1634/QĐ-ĐHKHTN ngày 04/06/2024
2	Thực tập kỹ thuật số trên máy tính	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2010	4	VC	(09-40)	Số 1635/QĐ-ĐHKHTN ngày 04/06/2024

3	Thực tập chuyên đề, kỹ thuật điều chế xung - số	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2013	3	VC	(09-46)	Số 1636/QĐ-ĐHKHTN ngày 04/06/2024
4	Thực tập chuyên đề, kỹ thuật điều chế tương tự	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2013	3	VC	(09-39)	Số 1637/QĐ-ĐHKHTN ngày 04/06/2024
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
5	Thực hành ghép nối máy tính nhúng	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2024	4	CB	(01-180)	Số 1638/QĐ-ĐHKHTN ngày 04/06/2024

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Thu phát AM/FM và điều khiển từ xa bằng sóng vô tuyến	CN	TN-08-12, cấp Cơ sở	03/03/2008 đến 02/03/2009	13/02/2009/ Xếp loại Tốt
2	Nghiên cứu và chế tạo hệ truyền dữ liệu không dây sử dụng Board Maxstream	CN	TN-09-05, cấp Cơ sở	02/04/2009 đến 01/04/2010	16/04/2010/ Xếp loại Khá
3	Giải thuật di truyền và ứng dụng trong rada	CN	TN-10-14, cấp Cơ sở	18/06/2010 đến 17/06/2012	18/06/2012, Xếp loại Tốt
4	Ước lượng hướng sóng tới của tín hiệu ứng dụng trong rada	CN	TN-12-06, cấp Cơ sở	26/03/2012 đến 25/03/2013	04/04/2013/ Xếp loại Tốt
5	Nghiên cứu, so sánh các thuật toán tạo búp sóng thích nghi cho anten thông minh	CN	TN-13-08, cấp Cơ sở	08/07/2013 đến 07/07/2014	04/09/2014/ Xếp loại Tốt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

6	Phát triển hệ thống tưới nước thông minh sử dụng năng lượng mặt trời và mạng cảm biến không dây kết hợp công nghệ IoT	CN	QG.17.09, cấp Bộ	16/02/2017 đến 15/02/2019	01/03/2019/ Xếp loại Tốt
7	Nâng cao năng lực cạnh tranh nghề nghiệp sau tốt nghiệp sử dụng phương pháp dạy học theo dự án ở Trường Đại học Khoa học Tự nhiên	CN	QG.20.07, cấp Bộ	09/04/2020 đến 08/04/2021	16/08/2021/ Xếp loại Tốt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Capacitive measurement with balance method and compensate for parametric regenerator	3	Không	VNU Journal of Science, ISSN: 0866-8612			XXII, 2AP, 214-217	12/2006
2	Building an RF remote control	4	Có	VNU Journal of Science, ISSN: 0866-8612			24, 1S, 76-79	12/2008
3	Fast solution for main beam pattern measurement using digital beam forming technique	3	Có	IEEE International Conference on 2nd Artificial Intelligence, Management Science and Electronic Commerce (AIMSEC 2011), ISBN: 978-1-4577-0607-3		1	8 6655-6658	08/2011
4	Fast and high resolution in direction of arrival estimation using parallel MUSIC	3	Có	IET International Conference on Automatic Control and			2 1133-1136	03/2012

				Artificial Intelligence (ACAI 2012), ISBN: 978-1-84919-537-9				
5	Parallel computing in genetic algorithm for adaptive array antenna	3	Có	IET International Conference on Automatic Control and Artificial Intelligence (ACAI 2012), ISBN: 978-1-84919-537-9			1 511-514	03/2012
6	Adaptive nulling with parallel genetic algorithm in phased array antenna	2	Có	Tạp chí Nghiên cứu KH&CN Quân sự, ISSN: 1859-1043			20 07-13	08/2012
7	Research and comparison of performance of direction of arrival algorithms for smart antenna system	3	Có	VNU Journal of Science, ISSN: 0866-8612			28, 1S, 141-147	12/2012
8	Adaptive array antenna with different models of genetic algorithm	3	Có	VNU Journal of Science, ISSN: 0866-8612			28, 1S, 148-153	12/2012
9	Study comparative of parabolic and phased array antenna	3	Có	VNU Journal of Science, ISSN: 2588-1124		6	30, 3, 31-36	09/2014
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
10	Building low power wireless sensor network with TCP/IP for agriculture	3	Có	VNU Journal of Science: Mathematics - Physics, ISSN: 2588-1124			34, 3, 28-32	09/2018
11	A deep learning-powered system to prevent illegal loggers	2	Có	International Journal of Electrical Engineering and	- Hệ thống CSDL quốc tế khác		12, 8, 149-157	09/2021

				Technology (IJEET), ISSN:0976-6545				
12	Automatic traffic red-light violation detection using AI	6	Có	Ingénierie des Systèmes d'Information, ISSN: 1633-1311	Có - Scopus *IF: Q3*	2	27, 1, 75-80	02/2022
13	Pest early detection in greenhouse using machine learning	5	Có	Revue d'Intelligence Artificielle, ISSN: 0992-499X	Có - Scopus *IF: Q3*	2	36, 2, 209-214	04/2022
14	A deep learning powered system to lie detection while online study	4	Có	Traitement du Signal, ISSN: 0765-0019	Có - SCIE *IF: 1.9, Q3*	2	39, 3, 893-898	06/2022
15	Nhận diện quang phổ Raman của thuốc bảo vệ thực vật carbendazim bằng phương pháp xử lý ảnh	4	Có	Hội nghị Vật lý Chất rắn và Khoa học Vật liệu Toàn quốc - SPMS 2021, ISBN: 978-604- 316-839-6			240-243	08/2022
16	Profiling of urban noise using artificial intelligence	4	Có	Computer Systems Science and Engineering, ISSN: 0267-6192	Có - Scopus *IF: Q4*		45, 2, 1309-1321	11/2022
17	A study on fabrication of SERS substrates base on porous Si nanostructures and gold nanoparticles	8	Không	Journal of Materials Science: Materials in Electronics, ISSN: 0957-4522	Có - SCIE *IF: 2.8, Q2*	2	34, 94, 1-9	01/2023
18	Intelligent health assistant for pupils	5	Có	Instrumentation Mesure Métrologie, ISSN: 1631-4670	Có - Scopus *IF: Q4*		22, 1, 11-19	02/2023
19	PesViT: a deep learning approach for detecting misuse of pesticides on farm	8	Có	The Journal of Supercomputing, ISSN: 0920-8542	Có - SCIE *IF: 3.3, Q2*		79 15790-15813	04/2023

20	Optimize cleaning school's restroom by WSN and LSTM approach	9	Có	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems, ISSN: 1875-8967	Có - SCIE *IF: 2.0, Q2*	1	45, 1, 1057-1065	12/2023
21	2% transmitted electrochromic films by hydrogen adsorption	7	Không	Materials Transactions, ISSN: 1345-9678	Có - SCIE *IF: 1.2, Q2*	1	64, 9, 2147-2150	06/2023
22	A novel electrochemical modification combined with heat treatment for production of Ag NPs and efficient antibacterial Ag NPs-coated nonwoven fabrics	9	Có	Materials Transactions, ISSN: 1345-9678	Có - SCIE *IF: 1.2, Q2*		64, 9, 2163-2167	12/2023
23	Ag-Coated Si nanowire arrays: A new route for the precise detection of fungicides by surface enhanced Raman scattering	10	Không	Optical Materials: X, ISSN: 2590-1478	Có - Scopus *IF: Q2*		19 100250	07/2023
24	Eye strain detection during online learning	7	Có	Intelligent Automation & Soft Computing, ISSN: 1079-8587	Có - Scopus *IF: Q3*	3	35, 3, 3517-3530	08/2023
25	Bbcry, a lightweight deep learning model for infant cry classification	4	Có	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems, ISSN: 1875-8967	Có - SCIE *IF: 2.0, Q2*		45, 4, 6813-6824	10/2023
26	Applying deep learning to wireless sensor networks for monitoring students' emotion in high schools	7	Có	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems, ISSN: 1875-8967	Có - SCIE *IF: 2.0, Q2*		45, 4, 6735-6749	10/2023
27	FightNet deep learning strategy: An innovative solution to prevent school fighting violence	5	Có	Journal of Intelligent & Fuzzy Systems, ISSN: 1875-8967	Có - SCIE *IF: 2.0, Q2*	1	45, 4, 6469-6483	10/2023

28	An automated waste management system using artificial intelligence and robotics	1	Có	Journal of Material Cycles and Waste Management, ISSN: 1438-4957	Có - SCIE *IF: 3.1, Q2*	2	25 3791-3800	09/2023
29	Rapid assessment of degraded frying oil quality using interdigitated microelectrode capacitive sensors	6	Có	European Journal of Lipid Science and Technology, ISSN: 1438-7697	Có - SCIE *IF: 2.7, Q2*		126, 1, 2300138	01/2024
30	Monitoring and improving student attention using deep learning and wireless sensor networks	10	Có	Sensors and Actuators A: Physical, ISSN: 0924-4247	Có - SCIE *IF: 4.6, Q1*		367 115055	03/2024
31	Utilizing AI and silver nanoparticles for the detection and treatment monitoring of canker in pomelo trees	6	Có	Sensors and Actuators A: Physical, ISSN: 0924-4247	Có - SCIE *IF: 4.6, Q1*		368, 115127	04/2024

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 16 ([12] [13] [14] [16] [18] [19] [20] [22] [24] [25] [26] [27] [28] [29] [30] [31])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					

1	Hệ thống tưới ngầm kết hợp bón phân tự động. Số hiệu văn bằng: VN2-0002170. Đường link: https://ipvietnam.gov.vn/documents/20182/743915/2107.pdf/260e89fd-e0e9-404b-8404-0a6a7f79f38e	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ khoa học và công nghệ	12/08/2019	1	3
2	Hệ thống tự động giám sát từ xa tài nguyên rừng. Số hiệu văn bằng: VN2-0003068. Đường link: https://ipvietnam.gov.vn/documents/20182/1447815/3068.pdf/0175ac63-4deb-4a84-b070-275532568c4c	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ khoa học và công nghệ	10/02/2023	1	3
3	Thiết bị hỗ trợ giám sát ổn định tư thế ngồi. Số hiệu văn bằng: VN2-0003104. Đường link: https://ipvietnam.gov.vn/documents/20182/1447815/3104.pdf/1eece8aa-bb88-4cbc-89f1-d232b97b6be7	Cục sở hữu trí tuệ, Bộ khoa học và công nghệ	15/02/2023	1	6

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 1 2 3

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kĩ thuật điện tử và Tin học	Tham gia	Quyết định số 1530/QĐ-ĐHKHTN ngày 24/5/2019 về việc thành lập các tổ chuyên gia soạn thảo chương trình đào tạo	Đại học Quốc gia Hà Nội	Quyết định số 722/QĐ-ĐHQGHN ngày 6/3/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo và giao nhiệm vụ đào tạo	Chương trình đào tạo thí điểm

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thành phố Hà Nội, ngày 18 tháng 06 năm 2024

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)